

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên,
vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia
và các giải thi đấu thể thao các cấp tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 26/2018/QH14;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 145/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn
bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chế độ,
chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định mức thưởng và
chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải
thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao các cấp tỉnh Đồng Tháp.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn
luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia
và các giải thi đấu thể thao các cấp tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm b
khoản 1 Điều 20 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách
đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thi đấu đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao và các giải thể thao các cấp, gồm: Đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh; đội tuyển thể thao xã, phường.

2. Cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, quốc gia

1. Mức thưởng đối với các môn thể thao thi đấu cá nhân: Vận động viên được thưởng theo số lượng huy chương đạt được.

2. Mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức thưởng đối với các môn, nội dung thi đấu đồng đội

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng vận động viên được hưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) quy định tại khoản 1 Điều này.

(Các mức thưởng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này)

Điều 4. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, quốc gia

1. Mức thưởng đối với nội dung thi đấu cá nhân

Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

2. Mức thưởng đối với nội dung thi đấu tập thể

a) Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu đạt thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định tại điểm b khoản này nhân với mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) đối với vận động viên đạt giải quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này.

b) Số lượng huấn luyện viên được quy định như sau:

Đối với các đội thuộc những môn có quy định dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 09 vận động viên đến 12 vận động viên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên đến 15 vận động viên: Mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

Đối với các đội thuộc những môn có quy định trên 15 vận động viên: Mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

3. Mức thưởng đối với các môn, nội dung thi đấu đồng đội

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên trực tiếp đào tạo được xác định theo quy định nhân với 50% mức thưởng tương ứng (giải thi đấu, loại huy chương đạt được) quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh và mức thưởng giải toàn đoàn

1. Mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh: Mức chi theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp xã: Áp dụng bằng 70% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; Nguồn vận động, tài trợ, xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 09 năm 2026.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ VHTTDL;
- Vụ Pháp chế - Bộ VHTTDL;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Tin học và Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (HĐiem)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn

PHỤ LỤC I
MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN
ĐẠT THÀNH TÍCH TẠI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO KHU VỰC,
QUỐC GIA



(Ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Mức chi
A	B	C
1.	Vận động viên đạt thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	30.000.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	15.000.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	10.000.000
2.	Vận động viên đạt thành tích tại giải vô địch quốc gia, toàn quốc	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	10.000.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	6.000.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	4.000.000
3.	Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia khác không quy định lứa tuổi (bao gồm: Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia, giải vô địch các đội mạnh quốc gia/giải đội mạnh quốc gia, giải vận động viên xuất sắc quốc gia và các giải cúp quốc gia)	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	6.000.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	4.500.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	3.000.000
4.	Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia có quy định theo lứa tuổi, mức thưởng được quy định như sau:	
a.	<i>Giải thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi</i>	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	1.500.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	1.200.000

-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	900.000
b.	<i>Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi</i>	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	2.250.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	1.500.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	1.200.000
	Phá kỷ lục quốc gia	1.200.000
c.	<i>Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi</i>	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	3.000.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	2.400.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	1.800.000
	Phá kỷ lục quốc gia	1.800.000
d.	<i>Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên</i>	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	3.750.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	3.000.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	2.250.000
	Phá kỷ lục quốc gia	2.250.000
5.	Vận động viên đạt thành tích tại các giải cấp khu vực và các giải mở rộng	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	1.500.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	1.200.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	900.000
6.	Vận động viên đạt thành tích tại giải Vô địch trẻ miền Nam và các giải cấp tỉnh mở rộng	Mức thưởng bằng tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng các giải cấp khu vực và các giải mở rộng, quy định theo từng nhóm tuổi như sau: - Nhóm tuổi dưới 12 tuổi bằng 20% - Nhóm tuổi từ 12 đến dưới 16 tuổi bằng 30%

		- Nhóm tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi bằng 40% - Nhóm tuổi từ 18 tuổi trở lên bằng 50%
7.	Phá kỷ lục giải vô địch quốc gia	Được cộng thêm tiền thưởng bằng với mức thưởng của huy chương đồng theo từng giải
8.	Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích đối với môn thi đấu cá nhân	Mức thưởng được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải
9.	Đối với nội dung thi đấu có từ 02 vận động viên trở lên, môn thể thao tập thể	
-	Vận động viên tham gia thi đấu nội dung có từ 02 vận động viên trở lên	Mức thưởng được tính bằng số lượng vận động viên nhân với mức thưởng tương ứng theo từng giải thể thao
-	Vận động viên tham gia các môn thể thao tập thể	Mức thưởng bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng tương ứng theo từng giải thể thao (theo điều lệ giải)
-	Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu đạt thành tích	Mức thưởng bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải (mức thưởng/01 vận động viên)

10.	Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi, số lượng vận động viên được thưởng khi đạt thành tích theo quy định của điều lệ giải)	
-	Vận động viên tham gia các môn thể thao đồng đội	Mức thưởng bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng theo từng giải thể thao
-	Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo	Mức thưởng bằng số lượng huấn luyện viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải (mức thưởng/01 vận động viên)
11.	Các môn thể thao dành cho người khuyết tật	Mức thưởng bằng 200% mức thưởng cho từng giải thể thao tương ứng

PHỤ LỤC II

**MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN ĐẠT THÀNH TÍCH
TẠI CÁC GIẢI THỂ THAO CẤP TỈNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: đồng

1.	Các giải thể thao thành tích cao quy định tại Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018	
a.	<i>Vận động viên đạt thành tích tại các nội dung thi đấu cá nhân</i>	
-	Huy chương vàng hoặc Hạng I	1.500.000
-	Huy chương bạc hoặc Hạng II	1.000.000
-	Huy chương đồng hoặc Hạng III	700.000
-	Khuyến khích	500.000
-	Các giải thưởng phụ (cầu thủ xuất sắc, libero xuất sắc, thủ môn xuất sắc, vua phá lưới...)	500.000
b.	<i>Vận động viên đạt thành tích tại các nội dung thi đấu từ 02 vận động viên trở lên</i>	Mức thưởng bằng số lượng vận động viên nhân với mức thưởng đối với nội dung thi đấu cá nhân
c.	<i>Vận động viên đạt thành tích đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội</i> (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi, số lượng vận động viên được thưởng khi đạt thành tích theo quy định của điều lệ giải)	Mức thưởng bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng vận động viên đạt giải nội dung thi đấu cá nhân
d.	<i>Vận động viên đạt thành tích đối với môn thể thao tập thể</i>	
-	Đối với môn: Bóng đá 11 người, bóng đá 5 -7 người, bóng chuyền da, bóng rổ, bóng ném.	Mức thưởng bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng vận động viên đạt giải nội dung thi đấu cá nhân (theo

		Điều lệ quy định)
-	Đối với các môn thể thao tập thể khác	Mức thưởng bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng vận động viên đạt giải nội dung thi đấu cá nhân (theo Điều lệ quy định)
2.	Các giải thể thao cấp tỉnh khác (ngoài các giải thể thao quy định tại khoản 1 Phụ lục II)	
a.	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Đồng Tháp	
-	Vận động viên đạt thành tích tại nội dung thi đấu cá nhân	
+	Huy chương vàng	4.000.000
+	Huy chương bạc	3.000.000
+	Huy chương đồng	2.000.000
-	Vận động viên đạt thành tích tại các nội dung thi đấu từ 02 vận động viên trở lên; Vận động viên đạt thành tích đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội; Vận động viên đạt thành tích đối với môn thể thao tập thể (Bóng đá 11 người, bóng đá 5 -7 người, bóng chuyền da, Bóng rổ, Bóng ném).	Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với mức thưởng đối với nội dung thi đấu cá nhân
-	Đối với các môn thể thao tập thể khác	Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng đối với nội dung thi đấu cá nhân
b.	Các giải thể thao cấp tỉnh khác (Các giải trẻ, giải vô địch trẻ, giải các nhóm/ lứa tuổi, giải Thiếu niên – Nhi đồng, giải năng khiếu tỉnh, giải Cúp các Câu lạc bộ tỉnh)	Áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại khoản 1 Phụ lục II
3.	Giải thưởng toàn đoàn	
a.	Đại hội TDTT cấp tỉnh	
-	Hạng nhất	10.000.000
-	Hạng nhì	8.000.000
-	Hạng ba	6.000.000

-	Hạng tư	4.000.000
-	Hạng năm	2.000.000
b.	Các giải thể thao cấp tỉnh dành cho giải thi đấu được tổ chức từ 5 nội dung trở lên theo điều lệ giải, mức thưởng cụ thể:	
-	Hạng nhất	6.000.000
-	Hạng nhì	4.000.000
-	Hạng ba	3.000.000
4.	Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật	Mức thưởng bằng 200% mức thưởng cho từng giải thể thao tương ứng